

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **330/2024/DS - ST**

Ngày: 30/9/2024

V/v: " *Tranh chấp hợp đồng dân
sự góp họ* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Mẫn** và bà **Nguyễn Hồng Cúc**

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Phụng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 421/2024/QĐXX- ST, ngày 17 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Xuân M**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Bà M vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

* *Bị đơn:* Bà **Dương Huỳnh Hồng L**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Bà L vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2024 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M trình bày: Từ năm 2022 đến 2023 bà có tham gia chơi hội do bà Dương Huỳnh Hồng L làm chủ, bà tham gia hội cụ thể như sau:

- Dây hội số 1 áp ngày 20/5/2022 dương lịch, hội 1.000.000đ, mỗi tháng số 01 lần, hình thức chơi hội ai kêu hội cao thì người đó hốt, có 30 hội viên, bà tham gia

01 chân, đóng được 15 lần thì bà L ngưng hội, tổng số tiền hội bà đã đóng là 10.460.000đ tiền hội gốc.

- Dây hội áp ngày 25/3/2023 dương lịch, hội 1.000.000đ, mỗi tháng số 01 lần, hình thức chơi hội ai kêu hội cao thì người đó hốt, có 28 hội viên, bà tham gia 02 chân, bà đóng được 05 lần thì bà L ngưng hội, tổng số tiền hội bà đã đóng là 7.100.000đ tiền hội gốc.

- Dây hội áp ngày 20/7/2023 dương lịch, hội 1.000.000đ, mỗi tháng số 01 lần, hình thức chơi hội ai kêu hội cao thì người đó hốt, có 26 hội viên, bà tham gia 01 chân, đóng được 01 lần thì bà L ngưng hội, tổng số tiền hội bà đã đóng là 680.000đ tiền hội gốc

Tổng 04 chân hội sống bà đã đóng cho bà L là 18.240.000đ.

Sau khi ngưng hội bà có ngòi chốt hội lại với bà L và bà L có thừa nhận nợ hội của bà nhưng bà L nói không có khả năng nên chưa thanh toán.

Bà Minh xác N đối với số tiền này bà chỉ yêu cầu bà L thanh toán còn chồng bà L là ông Trần Hoàng S thì không có liên quan vì ông S không có tham gia chơi hội nên số tiền nợ của bà chỉ yêu cầu bà L tự chịu trách nhiệm thanh toán, cam kết không khiếu nại về sau.

Nay bà Nguyễn Thị Xuân M yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Dương Huỳnh Hồng L thanh toán cho bà số tiền hội còn nợ lại với tổng số tiền là 18.240.000đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) hội gốc, không yêu cầu tính lãi.

* *Tại bản tự khai bị đơn bà Dương Huỳnh Hồng L trình bày:* Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà M số tiền hội là 18.240.000đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) nhưng hiện nay bản thân bà đang thất nghiệp chưa có khả năng chi trả và hiện tại bà còn tài sản là căn nhà nên bà đồng ý giao cho cơ quan thi hành án giải quyết chi trả. Bản thân bà sẽ cố gắng trả dần khi có việc làm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M và bị đơn bà Dương Huỳnh Hồng L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Huỳnh Hồng L trả cho bà M số tiền nợ hội gốc là 18.240.000đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng). Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời bị đơn bà L có

nơi cư trú tại ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

- Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Xuân M với bà Dương Huỳnh Hồng L là tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định 19/2019/NĐ-CP19-02-2019 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, phường.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M và bị đơn bà Dương Huỳnh Hồng L đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà M, bà L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt đồng thời bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M yêu cầu buộc bà L có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ hiệu là 18.240.000đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, quá trình giải quyết vụ án, bà M có cung cấp cho Tòa án danh sách hiệu thể hiện bà M có tham gia chơi hiệu do bà L làm chủ đồng thời bà L cũng có văn bản ý kiến thừa nhận có nợ tiền của bà M nhưng chưa thanh toán và đồng ý thanh toán nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn bà L xin thêm thời gian đến khi tìm được việc làm ổn định sẽ trả dần số tiền nợ hiệu này cho đến khi dứt nợ nhưng phía nguyên đơn không đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ hiệu gốc là 18.240.000đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc bị đơn xin trả dần số tiền hiệu cho nguyên đơn là nhằm trốn tránh, kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn cũng không đồng ý cho bị đơn kéo dài thêm thời gian trả nợ nên yêu cầu của bị đơn không có cơ sở chấp nhận là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Trường hợp bà L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Đối với ông Trần Hoàng S là chồng của bà L, trong quá trình giải quyết vụ án bà Minh xác Đ chỉ yêu cầu bà L thanh toán nợ cho bà không yêu cầu ông S liên đới thanh toán vì ông Trần Hoàng S không có liên quan. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M đối với bị đơn bà Dương Huỳnh Hồng L.

1. Buộc bà Dương Huỳnh Hồng L có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Xuân M số tiền nợ hụi gốc là 18.240.000đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), bà M không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Địa điểm giao nhận tiền trả nợ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Dương Huỳnh Hồng L phải chịu án phí với số tiền là 912.000đ (Chín trăm mười hai ngàn đồng).

Nguyên đơn bà M không phải chịu án phí; Hoàn trả lại cho bà M số tiền 456.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0003104 ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa**

Lữ Cẩm Nhung